

NÓI CHUYỆN CHỮ NGHĨA

NHỮNG TỪ DÙNG SAI TRONG NGÔN NGỮ VIỆT NAM

(trích Trieu Thanh Magazine)



1. Sai vì không hiểu nghĩa gốc Hán Việt.

1.1. CHUNG CƯ. Từ kép này được thành lập theo văn phạm Hán Việt, vì *tính từ đứng trước danh từ* cho nên *cả hai từ phải đều là Hán Việt*. Thế mà từ *chung* Hán Việt không có nghĩa là chung chạ mà có nghĩa là cuối cùng. Vậy *chung cư* 終居 không phải là nơi nhiều người ở chung mà là nơi ở cuối cùng, tức là mồ chôn hay nghĩa địa. Vậy phải đổi từ *chung cư* thành *chúng cư* 衆居 thì mới ổn.

1.2. KHẢ NĂNG. Khả năng 可能 là năng lực của con người, có thể làm được việc gì đó. Thế mà họ đã viết và nói những câu đại loại thế này: “Hôm nay, khả năng trời không mưa. Khả năng con bò này sẽ chết vì bị bệnh...” Nghe thực là kỳ cục và đáng xấu hổ. Tôi cho rằng, họ đã nhầm lẫn giữa hai từ *khả năng* 可能 (capacité, capable) với *khả dĩ* 可以 (possibilité, possible). Nhưng thôi, chúng ta nên dùng từ thuần Việt là “*có thể*”, đúng và dễ hiểu, còn từ *khả năng* chỉ nên dùng để nói về năng lực của con người mà thôi.

1.3. QUÁ TRÌNH. Quá 過 là đã qua, *trình* 程 là đoạn đường. *Quá trình* là đoạn đường đã đi qua. Nói thế này là đúng: “*Quá trình* thực hiện công việc đã gặp nhiều trở ngại.” Nhưng tôi lại thấy trong sách báo câu đại loại thế này: “*Quá trình* thực hiện công tác sắp tới của tôi là sẽ rất thuận lợi”. Thực là sai lầm rồi. Trong trường hợp này, phải dùng từ *tiến trình*, đúng cho cả 3 thì: quá khứ, hiện tại, và tương lai.

1.4. HUYỀN THOẠI. Người viết, kể cả những người có bằng cấp cao, không chịu học tiếng Hán, mà lại thích dùng tiếng Hán để tỏ ra “ta đây” nên nhiều tiếng được dùng sai nghĩa một cách thực buồn cười. Thí dụ, tôi rất thường nghe đài truyền hình, truyền thanh và báo chí nói “*huyền thoại Pélé*” “*huyền thoại Maradona*”... Người có học nghe thực chướng tai, nhưng người nói chẳng ngượng miệng chút nào. Tại sao nghe chướng tai? *Huyền* 玄 là màu đen, nghĩa bóng là sâu xa, mờ ảo, không có thực. *Thoại* 話 là câu chuyện. Vậy *huyền thoại* là câu chuyện mờ mờ ảo ảo, không có thực, do truyền miệng mà ra. Thí dụ chuyện bà Âu Cơ đẻ ra trăm trứng, chuyện ông Thánh Gióng cỡi ngựa sắt đi đánh giặc Ân là những *huyền thoại*. Đàng này, ông Maradona, ông Pélé có thực 100% sao gọi là *huyền*? Và hai cầu thủ đó là con người sao gọi là *thoại* được. Nếu muốn dùng từ *huyền thoại* để đề cao hai cầu thủ đó thì phải nói thế

này: “Cái tài của hai ông này tưởng như chỉ có trong *huyền thoại*”. Ông bà mình thường nói: “Dốt thì hay nói chữ”, có đúng trong trường hợp này hay không?

1.5. HÔN PHU, HÔN THÊ. *Hôn* là cưới, *phu* là chồng, *thê* là vợ. Trong mỗi từ *phu* và *thê* đã có nghĩa của *hôn* rồi cho nên gọi *hôn phu* và *hôn thê* là để chỉ người chồng người vợ là phi lý. Gọi hôn lễ (lễ cưới) hôn phối (lấy nhau) thì được. Còn nói *hôn phu*, *hôn thê* thì có thể hiểu 昏夫, 昏妻 là người chồng u mê, người vợ u mê, cũng như nói *hôn quân* 昏君 là nhà vua u mê vậy.

2. Sai vì cố ý sửa nghĩa gốc Hán Việt.

2.1. ĐỘC LẬP. *Độc* 獨 là riêng một mình, *Lập* 立 là đứng. Vậy theo nghĩa gốc Hán Việt, *độc lập* là đứng riêng rẽ một mình, không đứng chung với ai cả. Rõ ràng từ này là sai nếu dùng để diễn tả tình trạng của một quốc gia không lệ thuộc nước khác. Ngày nay, các quốc gia như thế đâu có đứng riêng một mình mà đều có liên hệ với nhau trong các tổ chức quốc tế. Vậy từ *độc lập* là sai. Tôi thấy Cụ Trần Trọng Kim, Cụ Dương Quảng Hàm dùng từ *tự chủ* để thay thế từ *độc lập*. Như thế là rất hay. Có người bảo với tôi rằng từ *độc lập* là do ông Tôn Dật Tiên đặt ra nên không thể bỏ được. Tại sao vậy? Ông Tôn Dật Tiên thì liên quan đến ngôn ngữ của Tàu chứ có liên quan gì đến ngôn ngữ Việt Nam. Tàu dùng sai thì chúng ta đâu có buộc phải theo cái sai của họ.

2.2. PHONG KIẾN. 封建 *Phong kiến* gồm hai từ phong tước 封爵 (ban quan tước) và kiến địa 建地 (ban đất để dựng nước). *Phong kiến* chỉ chế độ hoàng đế phong tước cho người có công và cấp cho một vùng đất rất rộng để thành lập quốc gia, với quân đội, luật lệ và chế độ thuế má riêng biệt. Chế độ này hiện hữu ở đời nhà Chu bên Tàu với nước của thiên tử và nước của các chư hầu; từ nhà Tần trở đi thì chế độ phong kiến bị bãi bỏ và được thay bằng chế độ trung ương tập quyền. Chế độ phong kiến cũng tồn tại ở vài nước Âu châu như Pháp, chỉ vào thời Trung cổ mà thôi. Ở Việt Nam không bao giờ có chế độ phong kiến (féodalité) mà chỉ có chế độ quân chủ chuyên chế (royalisme absolu) mà thôi. Gọi chế độ quân chủ ở Việt Nam bằng từ phong kiến là sai. Có tài liệu còn bảo rằng sự cúng tế đình chùa là tàn tích của phong kiến thì càng sai hơn nữa.

2.3. TIÊU CỰC, TÍCH CỰC 消極, 積極 Hiện nay, họ gán vào hai từ này ý nghĩa tốt xấu hết sức rõ rệt. Hành động nào *tốt* thì được gọi là *tích cực*; trái lại, hành động *xấu* thì gọi là *tiêu cực*. Thực ra, suy từ nghĩa gốc Hán Việt thì sự gán ép như thế là sai. Tích cực, tiêu cực tự nó không có sẵn tính chất tốt hay xấu mà chỉ ấn định cường độ của hành động mà thôi. Thí dụ, trong một đoàn đi làm việc phước thiện thì ai tích cực là tốt và ai tiêu cực là không tốt. Nhưng trong một bọn côn đồ đi tổ chức ăn cướp thì đứa nào tích cực lại là đứa xấu nhất. Trong truyện Tam Quốc Chí của Tàu, mưu sĩ của Lưu Bị là Từ Thử bắt buộc phải về phục vụ dưới trướng của kẻ thù là Tào Tháo. Từ Thử đã giữ thái độ tiêu cực nghĩa là không hiến mưu kế gì cho Tào Tháo. Thái độ tiêu cực này của Từ Thử, từ cổ chí kim luôn luôn được khen ngợi; vậy tiêu cực có xấu đâu.

3. Sai vì không phân biệt được tiếng Hán Việt với tiếng thuần Việt (tiếng Nôm).

3.1. QUỐC GIỖ. Tôi có đọc được câu này: “Ngày giỗ tổ Hùng vương là ngày quốc giỗ”. Nói như vậy là sai. *Giỗ* là tiếng Nôm chứ không phải là tiếng Hán Việt nên không thể đặt sau từ *quốc* được. Hãy bỏ

cụm từ *ngày quốc giỗ* mà dùng thuần tiếng Việt là *ngày giỗ cả nước*, vừa đúng, lại vừa dễ hiểu. Trong tiếng Hán, ngày giỗ là kỵ nhật 忌日. Ở một vài tỉnh của Trung Việt, dân chúng gọi ngày giỗ là ngày kỵ. Ta nên dứt khoát chỉ dùng từ Nôm là *ngày giỗ* để cho thống nhất toàn quốc.

3.2. GÓA PHỤ. Tôi đã gặp vài lần từ *góa phụ* trong sách vở báo chí để chỉ người đàn bà có chồng đã chết. Gọi như thế là sai vì tính từ *góa* là tiếng Nôm, không thể đặt trước danh từ *phụ* được. Phải gọi người *đàn bà góa* (toàn Nôm) hay người *quả phụ* (toàn Hán Việt) thì mới đúng.

3.3. ĐỆ NHẤT THÁC. Ở ngõ đi vào của một địa điểm du lịch, có hàng chữ to tướng dùng để quảng cáo “Nơi đây có *đệ nhất thác*”. Viết như thế là sai. Đặt từ kép *đệ nhất* (tiếng thêm nghĩa) trước từ *thác* (tiếng chính), là theo văn phạm Hán Việt thì cả hai từ đều phải là tiếng Hán Việt mới được. Ở đây, tiếng *thác* là thuần Nôm, thế là bậy rồi. Không có tiếng Hán Việt nào có nghĩa thác nước. *Thác* theo tiếng Hán là bộc bố 瀑布, nhưng đó lại là tiếng Hán thuần túy nghĩa là chưa được Việt hóa thành tiếng Hán Việt nên chưa thể dùng được. Trong trường hợp này, nên viết “Nơi đây có *thác đẹp nhất*”, vừa đúng, vừa dễ hiểu lại vừa hấp dẫn khách du lịch.

4. Sai vì không phân biệt được văn phạm Hán Việt với văn phạm Nôm.

4.1. X QUANG. Mỗi lần có chuyện phải vào bệnh viện là tôi rất khó chịu khi nhìn thấy cái bảng “Phòng X quang”. Tôi khó chịu vì cái từ *X quang* này phạm đến hai lỗi. Một lỗi về ngữ pháp và một lỗi về kiến thức khoa học. Về ngữ pháp, *quang* là tiếng chính, *X* là tiếng bổ nghĩa. Đặt tiếng bổ nghĩa trước tiếng chính thì đích thị sử dụng văn phạm Hán Việt rồi. Mà muốn dùng lối văn phạm này thì cả hai từ đều phải là tiếng Hán Việt. Ở đây *X* là một mẫu tự latin thì sai quá đi rồi. Về khoa học, *quang* 光 có nghĩa là sáng, ở đây chỉ tia sáng. Tia sáng là tia kích thích được tế bào thị giác để tạo ra ấn tượng sáng. Trong chuỗi sóng điện từ, các tia này chỉ chiếm một khoảng rất nhỏ bé với độ dài sóng từ 400 nano mét đến gần 800 nano mét mà thôi. Trong khi đó, tia *X* (với độ dài sóng từ 0,1 đến 10 nano mét) cách tia sáng khá xa, không kích thích được tế bào thị giác thì chắc chắn không phải là tia sáng rồi. Cho nên dùng từ QUANG cho tia *X* là sai bét về vật lý sơ đẳng của lớp 12 trung học. Tôi chẳng hiểu ông “đại giáo sư tiến sĩ” nào đã bày ra cái tên X QUANG đó. Tại sao không dùng từ “TIA X” như trước đây ở miền Nam, vừa hay, vừa đúng, vừa đại chúng, vừa thuần túy Việt Nam. Không lẽ họ muốn dùng từ “X QUANG” để chứng tỏ ta đây biết “nói chữ” hay sao?

4.2. BÊ TÔNG HÓA con đường. *Bê tông* là từ phụ, *hóa* là từ chính. Đây cũng là văn phạm Hán Việt. Để thành lập từ kép thì cả hai từ đơn đều phải là tiếng Hán Việt. Ở đây *bê tông* lại là tiếng Pháp (béton) phiên âm ra, do đó nói *bê tông hóa* là sai. Ngoài ra, nghĩa cũng sai vì từ *bê tông hóa* được dùng phải được hiểu là con đường đã được biến hóa thành một khối bê tông. Vì vậy, không nên nói *bê tông hóa* mà nói một cách bình thường: *tráng bê tông con đường*, vừa đúng lại vừa dễ hiểu.

Còn một lô HÓA rất bậy bạ trong sách vở báo chí, trong chương trình truyền thanh, truyền hình như : nghèo hóa, giàu hóa, no hóa, đói hóa, khôn hóa, dại hóa, vân vân... Tội nghiệp cho ngôn ngữ Việt Nam!

4.3. NỮ NHÀ BÁO. Tôi còn nhớ, trong chiến tranh Iraq, sau khi lính Mỹ bắn nhằm nhân viên tình báo của Ý bảo vệ người nữ phóng viên vừa được bọn bắt cóc trả tự do, các đài truyền hình ở Việt Nam loan tin nhiều lần và nhắc đi nhắc lại cụm từ *nữ nhà báo*. Thực là quá tệ! Nhà báo là tiếng Nôm nên phải

dùng văn phạm xuôi và phải nói “*nhà báo nữ*” Còn muốn dùng văn phạm ngược thì phải dùng ba từ Hán Việt: “*nữ phóng viên*” hay “*nữ ký giả*”. Ban biên tập các đài truyền hình không biết điều này sao?

4.4. TRIỀU CƯỜNG. Từ lâu rồi, tôi thấy xuất hiện rất thường xuyên hai từ *triều cường* khi họ nói đến thủy triều trên sông... Hai từ này có thể thay đổi vị trí trước sau và có hai ý nghĩa khác nhau. *Cường triều* 強潮 gồm tính từ đứng trước danh từ thì tương đương với một danh từ và có nghĩa là con nước lớn (haute marée). *Triều cường* 潮強 thì lại là một mệnh đề gồm một danh từ triều và một động từ *cường* và có nghĩa là con nước đang lớn lên (la marée monte). Lúc nào cũng dùng từ *triều cường* thì có thể sai hơn phân nửa trường hợp rồi. Nhưng tại sao không nói *con nước lớn* (danh từ) và *con nước đang lên* (mệnh đề) vừa đúng lại vừa phù hợp với trình độ và thói quen của đại chúng.

4.5. HẠT NHÂN. Đây là từ vật lý học chỉ các hiện tượng xảy ra bên trong cái lõi hay cái nhân của nguyên tử. Miền Nam trước đây gọi là *hạch tâm*. *Hạch* 核 là cái hạt, *tâm* 心 là cái lõi hay cái nhân bên trong. *Hạch tâm* là cái nhân của hạt. Đó là từ ghép theo văn phạm Hán Việt vì cả hai từ đều là Hán Việt. Bây giờ họ chuyển sang dùng hai từ Nôm thì phải theo văn phạm nôm và phải gọi là “*nhân của hạt*” hay *nhân hạt*, cũng như bên ngoài gọi “*vỏ hạt*” chứ không thể gọi là “*hạt vỏ*” được. Gọi phản ứng hạt nhân, là sai với văn phạm rồi. Cần phải sửa lại: *phản ứng nhân hạt* mới đúng. Tuy nhiên, theo tôi, nên giữ từ *phản ứng hạch tâm* thì hay hơn nhiều. Từ này không phải là từ của giới bình dân nên cứ giữ tiếng Hán Việt, không cần chuyển sang tiếng Nôm.

4.6. TẶC. Từ Hán Việt này đang được dùng một cách rất bậy bạ và rất thường xuyên như: *bọn tôm tặc*, *vàng tặc*, *cà phê tặc*, để chỉ những tên ăn trộm. Dùng như thế là phạm vào hai điều sai. Thứ nhất là sai về ngữ pháp: một từ đơn thuần Việt không thể ghép với một từ đơn Hán Việt để thành một từ kép. Thứ hai là sai về nghĩa. *Tặc* 賊 có nghĩa là ăn cướp, *đạo* 盜 mới có nghĩa là ăn trộm, thí dụ *đạo văn* 盜文 là ăn trộm văn của người khác. Tại sao họ không nói một cách giản dị và đúng là: *bọn trộm tôm*, *trộm vàng*, *trộm cà phê*... Cũng cần nói thêm về một từ đang được nhiều báo đem dùng. Đó là từ *đình tặc* để chỉ bọn rài đình trên đường phố. *Đình* là một từ có gốc Hán Việt 釘 nhưng đã được Việt hóa hoàn toàn rồi nên ghép với từ *tặc* thì không ổn. Vả lại, nói *đình tặc* là sai nghĩa vì từ đó có nghĩa là bọn ăn cướp đình; thôi bỏ từ đó đi và nên nói một cách giản dị là “*bọn rài đình*” thì hơn.

Còn vô số những từ sai khác cùng nguyên nhân trên đây như:

Lớp trưởng: phải sửa lại là *trưởng lớp*

Nhóm trưởng: phải sửa lại là *trưởng nhóm*

Siêu rẻ: phải sửa lại là *rất rẻ*

Siêu bền: phải sửa lại là *rất bền*

Vi sóng: phải sửa lại là *vi ba* hay *sóng ngắn*

Vân vân...

5. Dùng từ vô nghĩa.

5.1. Bệnh viện DA LIỄU. Lần đầu tiên, thấy bảng này, thú thật tôi không hiểu là cái gì. Sau hỏi người bạn bác sĩ mới biết đó là “*nhà thương chữa bệnh ngoài da và bệnh hoa liễu*”. Trời đất! *Da* là từ thuần

Việt. Hoa liễu là từ Hán Việt, sao lại nhập chung một cách kỳ cục như thế. Xét về nguồn gốc, chữ Hán *Hoa liễu* 花柳 có nghĩa là ô nhiễm chứ không phải là một bệnh. Về sau, họ dùng nhóm từ kép “bệnh hoa liễu” để chỉ cái bệnh lây qua đường tình dục cho những người hay lui tới các hoa liễu. Dùng riêng từ hoa liễu cho một bệnh đã là sai rồi. Bỏ luôn từ *hoa*, chỉ còn từ *liễu* thôi thì càng tệ hơn nữa. Riêng từ liễu 柳 thì có nghĩa là cây liễu. Bệnh viện da liễu tức là bệnh viện chuyên chữa cho bệnh ở da của cây liễu!!!

5.2. ĐẠI TRÀ. Tôi nhớ sau năm 1975, một người bạn dạy sử địa kể rằng, lần đầu tiên đọc sách giáo khoa từ miền Bắc đưa vào gặp câu: “Cây chè được trồng đại trà ở vùng này”. Anh ta hơi hoảng vì dạy sử địa bao năm mà bây giờ không hiểu đại trà là gì. Đại là lớn, còn trà là gì? Anh về lật nhiều tự điển kể cả tự điển Hán Việt ra tra thì chẳng thấy từ *đại trà* ở đâu cả. Hỏi thăm mãi anh mới rõ: trồng đại trà là trồng rộng rãi khắp nơi. Có lẽ ai đó nổi hứng bịa ra từ vô nghĩa đó để thay thế từ dễ hiểu và có sẵn, rồi sau đó những người khác bắt chước nói theo. Ngôn ngữ mà biến chuyển như thế thì rất đáng buồn.

5.3. SỰ CỐ. Lại một từ vô nghĩa nữa nhưng đang được dùng một cách rộng rãi để chỉ một sự rắc rối vừa mới xảy ra. Trong tiếng Hán Việt có từ kép *cố sự* 故事 có nghĩa là chuyện cũ chứ làm gì có từ sự cố. Cái nghĩa mà hiện nay họ gán cho từ vô nghĩa đó thực là lạ lùng, không thể chấp nhận được.

5.4. HOÀN CẢNH. Trong một bài báo, họ viết: “Cô ấy sống *hoàn cảnh* lắm”. Đố các bạn biết họ muốn nói gì? Xin thưa, họ muốn nói “Cô ấy đang sống trong *hoàn cảnh bi thảm*”!!! Các bạn có chịu nổi với cách viết văn như thế đó không ?

5.5. ĐÔI CÔNG. Kể từ giải túc cầu thế giới tại Nam Phi, đài truyền hình ở Việt Nam bịa ra một từ mới, đó là từ *đôi công* và rất thường được lặp đi lặp lại. Theo dõi nhiều trận, tôi mới hiểu ý của các ông trời đó muốn nói: hai đội chơi đôi công nghĩa là cả hai đội đều chơi tấn công. Đôi là một cặp (tiếng Nôm), công là tấn công (tiếng Hán Việt). Vậy đôi công là một từ bậy bạ do người kém hiểu biết bịa ra mà hiệu quả rõ ràng là làm xấu đi ngôn ngữ của dân tộc mình. Có người nghĩ rằng, cứ bịa ra những từ mới là làm giàu cho ngôn ngữ. Quan niệm như thế là sai; cũng như muốn làm giàu thì kiếm được thực sự nhiều tiền chứ không phải cứ nhét vào tủ các thứ giấy tờ bậy bạ mà gọi làm giàu được.

5.6. XÂY DỰNG. “Anh Hai tôi quyết định xây dựng với người yêu của mình” Các bạn đừng tưởng rằng hai người quyết định đi xây nhà để ở nhé. Không, hai người quyết định làm đám cưới đó! Viết văn như thế thì hết chỗ để phê bình rồi.

6. Dùng sai nghĩa từ thuần Việt.

6.1. NGƯỠNG. Người ít học cũng biết *ngưỡng* là một giới hạn rất xác định, một gạch ngang rõ nét, và bước qua vạch ngang đó thì mọi việc sẽ thay đổi một cách căn bản. Thí dụ, ngưỡng cửa là một đường ngang, bên trong là phòng, bên ngoài là sân hay mái hiên chứ không còn là phòng nữa. Một thí dụ khác: khi lượng glucose trong máu tăng lên và vượt qua ngưỡng 1% thì đường thoát ra ngoài theo nước tiểu, còn dưới cái ngưỡng đó thì không hề gì. Ngưỡng có nghĩa rõ ràng như thế và học sinh nào cũng biết. Thế mà mỗi đêm, trong mục dự báo thời tiết, xướng ngôn viên cứ lải nhải: hiệt độ đạt ngưỡng từ 32 độ đến 35 độ. Nghe chịu hết nổi. Tôi không trách người xướng ngôn vì bản tin không phải do người xướng ngôn viết mà do các đảng đại trí thức trong ban biên tập viết nên.

6.2. KIÊU NGẠO. Có người nhờ tôi giải thích một câu nói trong sách báo nào đó: “Thằng A hay *kiêu ngạo* người khác.” Tôi không giải thích được vì không rõ câu này có nghĩa: “thằng A thường tỏ ra *kiêu căng* với người khác”, hay là “thằng A thường chế nhạo người khác”. Chắc chắn cả hai cách giải thích đều không ổn vì dùng từ *kiêu ngạo* như thế là sai rồi thì không thể có cách nào giải thích câu nói cho đúng được.

6.3. TRAO ĐỔI. Từ này có nghĩa là đưa qua đưa lại các vật với nhau. Ngày nay họ lại dùng từ này một cách sai lầm để thay thế cho từ *bàn bạc* hay *thảo luận*. Thí dụ: “Để thực hiện chỉ thị, tôi đã trao đổi với đồng chí chủ tịch”

7. Dùng từ thiếu chính xác.

7.1. CHẤT LƯỢNG. *Chất* 質 là cái khối chứa bên trong một vật (matière), *lượng* 量 là tính chất của cái gì có thể cân, đo, hay đếm được (quantité). Vậy *chất lượng* hay *khối lượng* là cái chất bên trong của một vật có thể đo lường được (masse). Thí dụ: “khối lượng hay chất lượng của một vật là 1 kilo gramme”. Thế mà ngày nay họ dùng từ *chất lượng* để chỉ cái tính tốt xấu của một vật, không thể đo đếm được (qualité). Thí dụ: “Chất lượng của nước giải khát này kém lắm, uống không ngon mà còn có hại cho sức khỏe nữa”.

7.2. CẢM GIÁC. 感覺 Đó là sự nhận biết của cơ thể do ngoại giới tác động vào các giác quan của cơ thể. Thí dụ: “Gió về khuya gây cảm giác lạnh. Tiếng đàn gây cảm giác êm đềm”. Ngày nay, họ thường dùng từ cảm giác thay cho từ cảm nghĩ. Thí dụ: “Với tình hình này, anh có cảm giác thế nào?”. Thực là sai một cách trầm trọng.

7.3. THỐNG NHẤT. *Thống nhất* 統一 là làm biến mất tình trạng chia rẽ bằng cách gom các thứ về một mối. Ngày nay họ lại thường dùng từ thống nhất để diễn tả sự đồng ý, cùng chung quan điểm. Thí dụ, họ đã nói: “Để thực hiện tốt chỉ thị, tôi cần thống nhất đồng chí chủ tịch”. Nói như vậy là sai.

7.4. GIẢI PHÓNG. *Giải phóng* 解放 là một từ thường dùng trong lĩnh vực chính trị để chỉ công cuộc cởi bỏ áp bức, trói buộc cho con người. Ngày nay, họ lại dùng một cách sai lầm từ này cho vật chất. Thí dụ: họ nói giải phóng mặt bằng thay cho từ đúng là giải tỏa mặt bằng.

7.5. ĐĂNG KÝ. *Đăng ký* 登記 là chép vào sổ một vật được đưa đến. Thế mà ngày nay, họ nói: “Tôi đã đăng ký đi nước ngoài” Nghe như họ sẽ gói tôi lại rồi đem gởi ra nước ngoài. Với con người, không thể nói đăng ký mà phải nói: *ghi danh* hay *ghi tên* mới đúng.

8. Từ vựng lộn xộn.

8.1. LÁI XE. Đó rõ ràng là một động từ, hay đúng hơn là một từ kép gồm một động từ và một túc từ. Tuy nhiên, ngày nay họ cũng dùng từ này để chỉ người lái xe, tức là danh từ. Vì vậy, họ có thể nói: “Sáng nay, lái xe đang lái xe gặp một lái xe khác cũng lái xe, cả hai lái xe cùng lái xe về nhà.” Thực là

buồn cười. Trước đây ở miền Nam, lái xe dứt khoát chỉ là động từ, còn danh từ phải là người lái xe hay muốn nói gọn hơn thì dùng từ phiên âm Quảng Đông (?), tài xế cũng được rõ ràng minh bạch.

8.2. NGHIÊN CỨU SINH. Sinh 生 là tiếng Hán Việt. Dùng làm động từ thì sinh có nghĩa là sống, còn dùng làm danh từ thì sinh có nghĩa là con người đang sống. Thí dụ học sinh là người đi học, giáo sinh là người đi dạy. Nghiên cứu sinh là người đi nghiên cứu. Rõ ràng như vậy, thế mà tôi đã nghe họ nói và đã thấy họ viết những câu như “Con tôi được đi nghiên cứu sinh tại Trung quốc” Như thế là nói bậy vì lấy một danh từ làm động từ!

8.3. ÁN TƯỢNG. Theo cụ Đào Duy Anh, án tượng 印象(impression) là cái hình tượng do ngũ quan cảm xúc mà còn in sâu vào óc. Vậy án tượng là một danh từ của tâm lý học. Thế mà ngày nay họ đem dùng làm tính từ như “cảnh đó rất án tượng”, và cả động từ nữa, như “tôi rất án tượng cảnh đó”. Hết sức bậy bạ.

8.4. THẦN TƯỢNG. 神像 Từ này có nghĩa là hình tượng cao quý như thần. Vậy đây là danh từ, nhưng, cũng như các từ trên đây, thần tượng được dùng như tính từ như “người đó rất thần tượng”, rồi cả động từ nữa “Anh có thần tượng đồng chí đó không?”

8.5. TRÊN. Rõ ràng đây là một giới từ, bây giờ lại trở thành danh từ. Thí dụ: “Cần phải báo cáo cho trên rõ” hay “trên bảo, dưới không nghe”.

8.6. LÀM TỐT. Tốt là một tính từ bổ túc nghĩa cho danh từ, như hạnh kiểm tốt, sức khỏe tốt. Ngày nay tốt được dùng làm trang từ bổ túc nghĩa cho động từ, như làm tốt, học tốt, thay vì nói làm giỏi, học giỏi.

8.7. LÃNH ĐẠO. Tôi không tìm thấy từ này trong các tự điển Hán Việt nhưng lại có trong tự điển của Tàu hiện nay 领导 và có nghĩa là điều khiển, hướng dẫn con đường đi. Vậy rõ ràng đây là một động từ. Tuy nhiên ngày nay họ lại dùng làm danh từ. Thí dụ: “Lãnh đạo đã chỉ thị như thế”.

Sự rối loạn về từ vựng trong ngôn ngữ thực là điều rất đáng tiếc. Từ đầu thế kỷ thứ 20, do ảnh hưởng của tiếng Pháp, ngôn ngữ Việt Nam dần dần được minh bạch về từ vựng nên trở nên sáng sủa và rõ nghĩa, nay có sự rối rắm về từ vựng và trở nên tối tăm, có lẽ do mấy ông đi học bên Tàu về. Tiếng Tàu thì rất lồi thối về từ vựng, ai cũng rõ điều đó.

9. Cóp tiếng Tàu đang dùng.

9.1. LƯU BAN. Học sinh kém quá không được lên lớp thì họ gọi là *lưu ban*. Trong tiếng Tàu hiện nay, *ban* 班 là lớp học nhưng với tiếng Hán Việt (gốc từ tiếng Tàu đời Đường) thì *ban* không phải là lớp học mà có nghĩa rất khác là: ban phát, hạng thứ, đem quân trở về. Do đó, dùng tiếng *lưu ban* để nói học sinh không được lên lớp thì không ổn chút nào. Dùng từ *lưu cấp* 留級 thì gần đúng nghĩa hơn. Nhưng thôi, lưu ban, lưu cấp làm chi. Mình đã có cụm từ thuần Việt đã dùng từ lâu là “*ở lại lớp*”, rất hay vì phụ huynh học sinh nào cũng hiểu được.

9.2. TRANH THỦ. Đây là từ mới được đưa vào miền Nam sau 1975, và có nghĩa là lợi dụng tình hình

để làm được việc gì đó. Thí dụ: “Trong chuyến đi thăm vừa qua, anh ấy đã tranh thủ kiểm chác được chút ít”. Tôi đã cố tìm hiểu xuất xứ của từ này và nhận ra rằng từ tranh thủ không có trong tiếng Hán Việt nhưng hiện nay đang được dùng bên Tàu.

Việc đem tiếng Tàu hiện nay, phiên âm Hán Việt rồi nhập vào ngôn ngữ Việt Nam là điều không hợp lý vì nó sẽ làm rối rắm ngôn ngữ của mình. Nên nhớ tiếng Hán Việt có nguồn gốc tiếng Hán ở đời Đường chứ không phải là tiếng Tàu ngày nay, đã khác khá nhiều với tiếng Tàu đời Đường, về phát âm cũng như về ý nghĩa. Thí dụ, 大家, tiếng Hán Việt đọc đại gia và có nghĩa là người hay gia đình có vai vế trong xã hội, trong khi đó tiếng Tàu hiện đại đọc là đà jià và có nghĩa là tất cả mọi người. Một thí dụ khác: 東西 tiếng Hán Việt đọc là đông tây và có nghĩa là hai phương hướng, trong khi tiếng Tàu hiện đại đọc là dòng xì và có nghĩa là hàng hóa. Cho nên ***tiếng Tàu ngày nay phải được xem là ngoại ngữ đối với ngôn ngữ Việt Nam và không nên nhập một cách bừa bãi vào tiếng Việt.***

10. Đảo ngược từ kép làm sai nghĩa.

10.1. ĐIỂM YẾU. Từ kép này gồm hai tiếng đơn ghép theo văn phạm Nôm có nghĩa là *cái điểm không mạnh*. Có người đem đảo ngược lại thành *yếu điểm* theo văn phạm Hán Việt thì lại có nghĩa hoàn toàn khác hẳn: điểm rất quan trọng.

10.2. THẤP ĐIỂM. Từ này thường được dùng sai một cách thực buồn cười. *Cao* là tiếng Hán đã được Việt hóa, nên có thể dùng theo văn phạm Hán hay Nôm cũng đều có một nghĩa duy nhất là “ở phía bên trên”. Thí dụ: điểm cao và cao điểm cùng một nghĩa. Trong khi đó thấp lại có hai nghĩa khác nhau tùy theo tiếng Hán hay Nôm. Theo tiếng Nôm thì thấp có nghĩa là ở bên dưới, nhưng với tiếng Hán thì thấp có nghĩa là ẩm ướt... Vì vậy, khi nói *điểm thấp* thì đó là chỗ ở dưới thấp, nhưng khi đảo lại thành *thấp điểm* thì có nghĩa là nơi ẩm ướt. Thực là buồn cười khi đọc báo thấy: “giao thông giờ cao điểm, giao thông giờ thấp điểm” hay “dùng điện lúc cao điểm và dùng điện lúc thấp điểm”.

11. Đảo từ kép bừa bãi và không cần thiết.

11.1. XA XÓT. Tôi đọc được cách đảo kỳ cục trong một tác phẩm bán rất chạy trong thời gian gần đây. Nguyên văn câu đã viết là: “...ông Năm xa xót nhìn hai đứa trẻ...”. Đảo từ như thế là bừa bãi, chẳng nhằm lợi ích gì. Với văn vần thì có thể tạm chấp nhận sự đảo từ cho hợp thi luật; nhưng với văn xuôi thì không thể đảo từ một cách bừa bãi được.

11.2. Còn rất nhiều từ kép bị đảo xuôi đảo ngược vô tội vạ nữa như: nguy hiểm / hiểm nguy; đơn giản / giản đơn; khai triển / triển khai; từ chối / chối từ; bảo đảm / đảm bảo; bền vững / vững bền; minh chứng / chứng minh; phục hồi / hồi phục; biệt ly / ly biệt; tha thướt / thướt tha; thần thờ / thờ thần; tranh đấu / đấu tranh; thơ ngây / ngây thơ; xúc cảm / cảm xúc; quang vinh / vinh quang; kinh hoàng / hoàng kinh; ái ân / ân ái ...

Ôi thôi! nhiều quá, quá nhiều, không sao kể hết ngay tức thì được. Có lẽ trên thế giới, không ngôn ngữ nào có các từ bị đảo ngược lung tung như ngôn ngữ Việt Nam hiện nay.

Cứ cái đà này, tôi e có ngày mình sẽ đọc được một câu thế này: “Người sĩ-chiến sinh-hi ngoài trận-mặt để vệ-bảo quốc-tổ, dân-nhân ở phương-hậu phải tỏ lòng ân-tri với các hùng-anh sĩ-liệt”!!!

12. Ghép từ bừa bãi.

12.1. KÍCH CẦU. Đó là nhóm từ “kích thích nhu cầu tiêu thụ” được ghép cho ngắn lại làm cho nghĩa trở thành hết sức tối tăm. Nghe từ ghép “*kích cầu*”, tôi cứ tưởng công việc của mấy ông công chánh đang thực hiện ở dưới sông. Cách ghép này nghe rất chướng tai nhưng lại rất phổ biến hiện nay.

12.2. GIAO HỢP. Có một chuyện ghép từ rất khôi hài mà người Việt ta thường hay kể lại. Chuyện thế này: Đồng chí giám đốc phái một nữ nhân viên qua một xí nghiệp bạn với lời dặn dò cẩn thận: “Cô hãy sang đó và cố gắng thuyết phục cho họ chịu *giao hợp* nhé”. Ý đồng chí giám đốc muốn nói giao hợp có nghĩa là giao thiệp và hợp tác; không biết cô nữ nhân viên có hiểu đúng ý đồng chí giám đốc hay không.

13. Dùng từ đao to búa lớn.

13.1. CHIẾN. Đá bóng chỉ là một trò chơi thể thao thuần túy thể mà các xướng ngôn viên và bình luận viên của chúng ta luôn luôn gọi đó là cuộc chiến. Cuộc chiến thì phải có đổ máu, phải có quyết tâm tiêu diệt kẻ thù hay ít ra làm cho kẻ thù phải khốn đốn. Một hôm đi ngang qua sạp báo tôi thấy một tờ báo chạy một cái tựa rất lớn ở trang nhất: “*Nội chiến ở bán đảo Ibérique*”. Tôi giật mình không hiểu tại sao giữa hai nước anh em Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha lại nổ ra chiến tranh. Tôi vội vã móc tiền ra mua ngay tờ báo đó rồi chạy nhanh về nhà để đọc. Đọc xong, tôi ngã ngửa, Thì ra, trong một cuộc bốc thăm do FIFA tổ chức, hai đội tuyển bóng tròn của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha gặp nhau trong cuộc chơi play-off. Thế mà họ dám gọi là nội chiến. Xin chào thua cách dùng ngôn từ Việt Nam ngày nay.

13.2. CHIẾN ĐẤU. Tôi đã từng nghe nói: “Chúng ta phải cương quyết *chiến đấu* với tư tưởng sai trái”. Nghe thực đáng sợ.

13.3. NGÀI. Đã có lúc, nhân danh lập trường giai cấp và lập trường “ta, bạn, thù”, họ gọi các lãnh tụ của nước tư bản bằng thằng nọ, thằng kia. Bây giờ, họ chơi với tư bản thì ai họ cũng gọi bằng “ngài”. *Ngài* thủ tướng, *ngài* đại sứ, *ngài* nghị sĩ, vân vân. Nghe có vẻ nịnh bợ quá đi thôi.

13.4. THAM QUAN. 參觀 Đi chơi để ngắm cảnh thì gọi là *tham quan*. Tham quan có nghĩa là tham dự vào một công cuộc xem xét, nghiên cứu. Gọi thế mới hách chú.

13.5. NGHIÊN CỨU SINH. Đi học thêm ở ngoại quốc, chuyện quá tầm thường, nhiều khi lợi dụng làm chuyện bậy bạ, lại tự tăng bốc mình là đi nghiên cứu.

14. Dùng từ Hán Việt thay từ Nôm một cách kỳ cục.

14.1. KHẨN TRƯỞNG. Một đồng nghiệp của tôi định cư tại Úc từ năm 1975. Cách đây vài năm, thầy về Việt Nam lần đầu tiên và dùng tàu hỏa ra Hà Nội thăm quê. Giữa khuya, tàu đến ga Đồng Hới thuộc tỉnh Quảng Bình. Đang ngủ say, bỗng thầy giật mình tỉnh dậy vì tiếng loa “... hành khách khẩn trương lên”. Thầy hoảng hồn phóng xuống giường, chạy ra khỏi buồng của toa xe vì tưởng xe trật đường rầy hay có hỏa hoạn xảy ra. Nhưng không, nhân viên trên toa tàu chỉ nhắc nhở hành khách nào xuống tàu ở

ga này thì nhanh lên, thế thôi! Tội nghiệp, thầy Phụng hoảng hồn cũng phải vì ở miền Nam trước đây, dân ta ăn nói một cách giản dị và chỉ hay dùng tiếng Hán Việt trong văn chương và khi có việc nghiêm trọng mà thôi.

14.2. BÁO CÁO. Một người bạn đã nói với tôi: “Báo cáo anh, chiều nay tôi phải lên xe về Hà nội”. Tôi nghe từ *báo cáo* thì cứ tưởng anh ta đang nói với một vị tư lệnh trên chiến trường.

15. Thay từ Hán Việt thông dụng bằng từ Nôm bất hợp lý.

15.1. MÁY BAY LÊN THĂNG. Cái loại máy bay có thể bay lên mà không cần phi đạo; ngày trước người miền Nam, từ thành thị đến thôn quê, từ người có học đến người thất học, đều gọi bằng một cái tên rất gọn là *trục thăng*. Sau 1975, họ sửa lại là *máy bay lên thăng*, không hiểu lý do tại sao.

15.2. LÍNH THỦY ĐÁNH BỘ. Ngày trước miền Nam có một binh chủng đặt tên là Thủy Quân Lục Chiến. Đó gần như là một danh từ riêng. Sau 75 thì sửa lại là “*lính thủy đánh bộ*” cho có vẻ nôm na, dù “thủy” và “bộ” vẫn là tiếng Hán Việt. Có người bảo rằng cái gì của ta thì dùng tiếng Hán Việt mới bảnh, còn cái gì của kẻ thù thì dùng tiếng Nôm để làm giảm giá trị. Nếu quả đúng như thế thì đó thực là một quan niệm hết sức sai lầm và xúc phạm một cách trầm trọng đến giá trị tiếng thuần Việt của dân tộc mình.

16. Chưa có được những từ thỏa đáng cho khoa học và kỹ thuật hiện đại.

16.1. COMPUTER dịch là máy vi tính là không thỏa đáng. Máy vi tính có nghĩa là máy dùng làm những phép tính rất nhỏ. Chức năng của computer không phải chỉ như thế. Xin để dành cho các nhà chuyên môn về kỹ thuật và các nhà ngôn ngữ nói chuyện với nhau để chọn từ cho chính xác.

16.2. INFORMATION TECHNOLOGIE dịch là *tin học*, cần xét lại hai điểm. Thứ nhất, *technologie* là một kỹ thuật, dịch bằng một từ *học* trơ trọi thì không ổn. Thứ hai, muốn dùng từ kép “tin học” thì hai từ đơn phải đều là tiếng Hán Việt. Nhưng *tin* là tiếng Nôm còn *tín* mới là tiếng Hán Việt.

16.3. ON LINE, OFF LINE dịch là *trực tuyến* và *ngoại tuyến* thì e không ổn. Ở tiếng Mỹ, *on* và *off* là hai từ đối nghịch nhau thì dịch sang tiếng Việt cũng cần hai từ đối nghịch nhau mới được. Cho nên dùng hai từ *trực* và *ngoại* thì chẳng ổn chút nào. Một lần nữa, chúng ta chờ đợi sự bàn bạc giữa các chuyên viên kỹ thuật và ngôn ngữ.